

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **180/2022/HNGĐ -ST**
Ngày 13/9/2022
V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Duy Viễn;
2. Ông Nguyễn Duy Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, về không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXX - ST ngày 27 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/QĐST - HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Triệu Thị T**, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn G, xã CD, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: **Anh Sớ Ngọc Th**, sinh năm 1979;

Trú tại: Thôn G, xã CD, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị Tuyên, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sớ Ngọc Th sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 và không có đăng ký kết hôn. Sau khi được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương anh chị về chung sống, làm ăn tại thôn G, xã CD, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế. Anh chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể về chung sống vợ chồng, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc được nữa, chị đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Sớ Ngọc Th .

Về con chung: Chị và anh Sớ Ngọc Th có 01 con chung là cháu Triệu Sớ H, sinh ngày 01/5/2010. Sau khi ly hôn, chị tự nguyện là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Triệu Sớ H, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung chung cùng chị. Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Sớ Ngọc Th không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị và anh Th không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên Toà, chị Tuyên giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Quá trình giải quyết vụ án.

Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Th trốn tránh, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Toà án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Qua kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân CD, huyện Yên Sơn cho thấy, chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Anh chị không đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th đi làm ăn xa, có quan hệ ngoại tình với người khác mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Th có 01 con chung là cháu Triệu Sớ H, sinh ngày 01/5/2010, đề nghị Tòa án cho chị Triệu Thị T được nuôi cháu Triệu Sớ H vì hiện nay cháu Hiếu đang ở cùng chị Tuyên.

Về tài sản chung: Chính quyền địa phương không nắm rõ.

Về vay nợ chung: Vợ chồng chị Tuyên và anh Th không vay nợ ai.

Tại phiên Toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Việc tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án từ khi thụ lý và xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các điều 70, 71, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th.

Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu Sớ H, sinh ngày 01/5/2010 cho chị Triệu Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Sớ Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy: Trường hợp của chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn, chị T và anh Th có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng trong sổ theo dõi và các tài liệu liên quan lưu trữ tại Ủy ban nhân dân CD, huyện Yên Sơn cho thấy chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Căn cứ điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định nam nữ có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng, mà không đăng ký kết hôn theo pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Như vậy, chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị Triệu Thị T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Sớ Ngọc Th, hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th có 01 con chung là: Triệu Sớ H, sinh ngày 01/5/2010. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Triệu Sớ H, giao con chung là cháu Triệu Sớ H cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Th quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83. Hội đồng xét xử: Giao con chung là cháu Triệu Sớ H cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung: Chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th không có tài sản chung, về công nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí, quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp. Chị T, anh Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 14, 53, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị T

1. Xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Sớ Ngọc Th.

2. Về con chung: Xử giao con chung là cháu Triệu Sớ H, sinh ngày 01/5/2010 cho chị Triệu Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Sớ Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003949 ngày 07/3/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn. Anh Sớ Ngọc Th không phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Viễn – Nguyễn Duy Chung

Trần Ngọc An

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND CĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh - Đặng Thị Huệ

Phạm Thị Quỳnh